

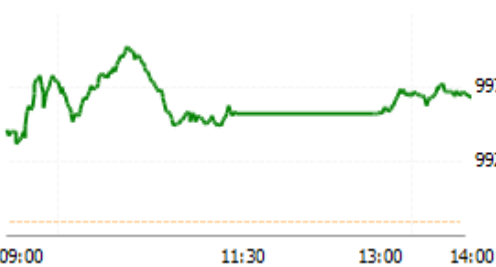
Dữ liệu thị trường ngày 25/02/2019

Tổng quan	VN-Index	HNX-Index
Chỉ số	994.43	107.61
Thay đổi (điểm)	5.52	0.79
Thay đổi (%)	0.56%	0.74%
KLGD (triệu ck)	227.74	34.99
GTGD (tỷ đồng)	5,214.09	516.20

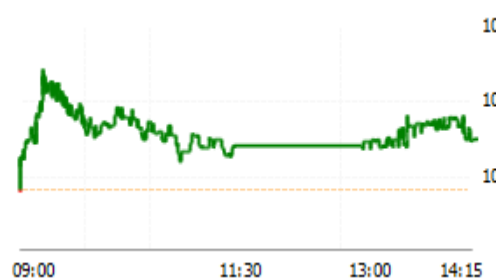
NĐT nước ngoài giao dịch ròng

VN-Index	116.15	(tỷ đồng)
HNX-Index	30.24	(tỷ đồng)
UPCOM-Index	3.20	(tỷ đồng)

VN-Index



HNX-Index



ĐIỂM TIN CHÍNH

- Chỉ số VNINDEX mở cửa tăng mạnh, trong phiên có thời điểm chỉ số tiến sát mốc 1000 điểm. Sau đó, áp lực bán gia tăng đã tác động mạnh, dẫn đến VNINDEX thu hẹp mức tăng. Kết phiên, VNINDEX tăng 5.52 điểm, đóng cửa tại mức 994.43 điểm.
- Các cổ phiếu giúp thị trường tăng điểm nhiều nhất là VCB (+ 1.02 điểm), VNM (+ 0.92 điểm), MSN (+ 0.65 điểm), HPG (+ 0.38 điểm) và VJC (+ 0.31 điểm).
- Các cổ phiếu tác động chỉ số giảm điểm chiếm áp đảo gồm VHM (- 0.83 điểm), VRE (- 0.48 điểm), VIC (- 0.43 điểm), BVH (- 0.21 điểm) và STB (- 0.05 điểm).
- Giá trị giao dịch của VN-Index tăng nhẹ nhưng thanh khoản ở mức rất cao. Đóng cửa VNIndex tăng 5.52 điểm, dòng tiền lan tỏa tốt, số mã tăng/giảm đạt 181/122.
- Kết thúc phiên giao dịch, VN-Index đóng cửa đạt 994.43 điểm, khối lượng giao dịch tăng nhẹ so với phiên trước và HNX-Index đóng cửa đạt 107.61 điểm.
- Khối ngoại hôm nay có giao dịch mua ròng tăng mạnh so với cuối tuần trước, trên sàn HOSE giá trị mua ròng đạt 116.15 tỷ đồng. Trên sàn HNX giá trị mua ròng hôm nay cũng tăng đáng kể, đạt 30.24 tỷ đồng (*thống kê giao dịch chi tiết tại trang 4*).

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG TÓM TẮT

Thông tin tích cực từ cuộc chiến thương mại đã giúp VNINDEX mở cửa tăng mạnh, có thời điểm trong phiên, chỉ số tiến sát mốc 1000. Tuy nhiên áp lực bán từ nhóm VIC, VRE, VHM dẫn đến chỉ số thu hẹp mức tăng, thanh khoản hôm nay đạt mức cao.

Một vài thông tin vĩ mô đáng quan tâm và dự báo:

Tổng thống Mỹ Donald Trump đã đưa ra thông báo sẽ lên kế hoạch dời ngày áp thuế lên Trung Quốc vào thứ 6 tuần này, kế hoạch cụ thể chưa có thông báo chi tiết. Tuy nhiên, tâm lý lạc quan đã thúc đẩy thị trường chứng khoán Châu Á đã đồng loạt tăng điểm vào phiên giao dịch hôm nay.

Cuộc đàm phán Mỹ - Trung kéo dài thêm 2 ngày và đạt được nhiều điểm tích cực đã tác động lên giá dầu thế giới. Mặt khác, các công ty năng lượng của Mỹ trong tuần qua cũng đã cắt giảm số giàn khoan dầu đang hoạt động, nhằm siết lại nguồn cung dầu trong bối cảnh tồn kho dầu đạt mức cao nhất trong vòng một năm.

Kịch bản nào cho thị trường

Những thông tin tích cực từ về cuộc chiến thương mại Mỹ - Trung đã tác động đến tâm lý thị trường chứng khoán Việt Nam, mở cửa VNINDEX tăng mạnh, từ đó chỉ số tiến sát mốc 1000. Nhưng áp lực bán gia tăng ngay sau đó đã cản trở việc VNINDEX tăng điểm.

Mặt khác, kháng cự 1000 điểm là mức kháng cự rất mạnh. Như chúng tôi cũng đã nhận định, “vùng gap” khoảng 973 - 990 sau khi lấp gap cần được test lại. Trong kịch bản tích cực, VNINDEX có thể điều chỉnh về khoảng 973 điểm, nằm trong vùng gap, sau đó bật lên trở lại. Trong kịch bản xấu, VNINDEX sẽ về khoảng 945 điểm. Sau đó thị trường sẽ tiếp tục tăng trở lại, RSI cuối tuần vừa qua hướng lên cho thấy thị trường sẽ tăng trở lại sau điều chỉnh là rất cao. (*Chi tiết xem thêm tại trang 2*)

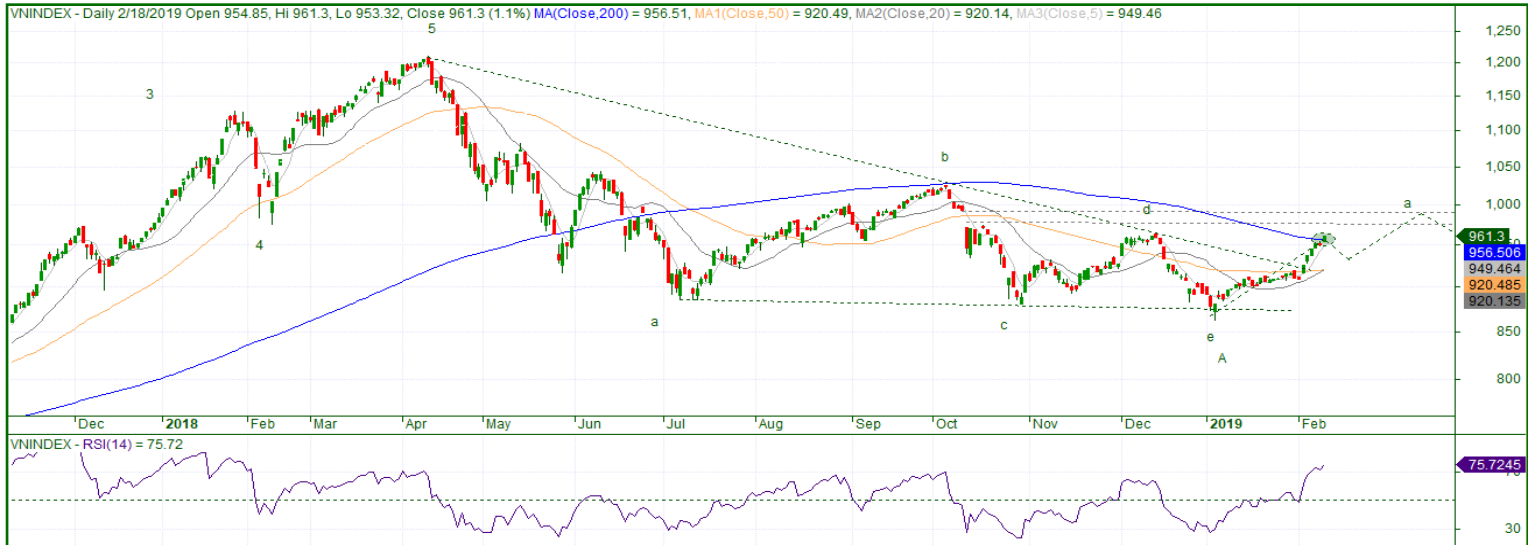
Hành động:

- NĐT có thể lướt sóng danh mục trong các nhịp giảm trong các phiên tới. Sau đó, NĐT có thể tăng tỷ trọng tại vùng 970.
- NĐT chấp nhận khả năng điều chỉnh sâu, cơ cấu lại danh mục về mức an toàn và chờ VNINDEX giảm về khoảng 950 sau đó tiến hành mua lại, để đón nhịp tăng mới. Giai đoạn này, nếu lướt sóng NĐT chú ý chia nhỏ lượng dự tính mua làm 3 phần, mua 3 ngày để tránh rủi ro cũng như tăng tính chủ động trong trường hợp thị trường xấu đi thì T+3 cổ phiếu đã về để bán.

PHÒNG PHÂN TÍCH-ĐẦU TƯ

Địa chỉ: 468 Nguyễn Thị Minh Khai P2 Q3
TP Hồ Chí Minh
Tel: 84 28 38336333
Ext: 171

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG



Một vài thông tin vĩ mô đáng quan tâm và dự báo:

Đàm phán thương mại Mỹ - Trung vào cuối tuần vừa qua tiếp tục có nhiều diễn biến tích cực, Tổng thống Mỹ Donald Trump đã đưa ra thông báo sẽ lên kế hoạch dời ngày áp thuế lên Trung Quốc vào thứ 6 tuần này, kế hoạch cụ thể chưa có thông báo chi tiết. Tuy nhiên, tâm lý lạc quan đã thúc đẩy thị trường chứng khoán Châu Á đã đồng loạt tăng điểm vào phiên giao dịch hôm nay, đặc biệt chỉ số Shanghai Composite của thị trường chứng khoán Trung Quốc đã tăng hơn 5%.

Cuộc đàm phán Mỹ - Trung kéo dài thêm 2 ngày và đạt được nhiều điểm tích cực đã tác động lên giá dầu thế giới. Mặt khác, các công ty năng lượng của Mỹ trong tuần qua cũng đã cắt giảm số giàn khoan dầu đang hoạt động, nhằm siết lại nguồn cung dầu trong bối cảnh tồn kho dầu đạt mức cao nhất trong vòng một năm. Đóng cửa tuần qua, giá dầu Brent đạt 67.12 USD/thùng (+0.24%) và dầu WTI đạt mức 57.26 USD/thùng (+0.74%).

Kịch bản nào cho thị trường (tham khảo thêm đồ thị trang 3):

Những thông tin tích cực từ về cuộc chiến thương mại Mỹ - Trung đã tác động đến tâm lý thị trường chứng khoán Việt Nam, mở cửa VNINDEX tăng mạnh, nhóm VIC, VHM cũng có mức tăng nhẹ, từ đó chỉ số tiến sát mốc 1000. Nhưng áp lực bán gia tăng ngay sau đó đã cản trở việc VNINDEX tăng điểm. Đặc biệt, càng về cuối phiên, áp lực bán gia tăng rất mạnh dẫn đến VNINDEX đóng cửa chỉ còn tăng 5.52 điểm.

Nếu quan sát kĩ, những dấu hiệu tích cực lên từ cuộc chiến thương mại đã phản ánh tương đối đầy đủ lên chỉ số trong tuần vừa qua. Do đó, mức tăng mạnh tiếp như những phiên trước là rất ít khả năng. Các chỉ báo hiện tại chưa cho thấy dấu hiệu đảo chiều, nhưng hầu hết đều rơi vào vùng quá mua. Đường RSI hôm nay đã đạt 84 điểm, đây là mức mà rất ít khi đạt được của thị trường, rủi ro lúc này là rất cao, nhất là khi VNINDEX “tăng dốc” 90 điểm chỉ trong 12 phiên.

Mặt khác, kháng cự 1000 điểm là mức kháng cự rất mạnh. Như chúng tôi cũng đã nhận định, “vùng gap” khoảng 973 - 990 sau khi lấp gap cần được test lại. Trong kịch bản tích cực, VNINDEX có thể điều chỉnh về khoảng 973 điểm, nằm trong vùng gap, sau đó bật lên trở lại. Trong kịch bản xấu, VNINDEX sẽ về khoảng 945 điểm. Sau đó thị trường sẽ tiếp tục tăng trở lại, RSI cuối tuần vừa qua hướng lên cho thấy thị trường sẽ tăng trở lại sau điều chỉnh là rất cao.

CHỈ BÁO NGẮN HẠN

RSI	Tích cực
Volume	Tích cực
MA(20)	Tích cực

Ichimoku (tuần) Tích cực

HỖ TRỢ NGẮN HẠN

Hỗ trợ 1: 950 điểm Hỗ trợ 2: 930 điểm

HỖ TRỢ TRONG PHIÊN

Hỗ trợ 975 điểm

CHỈ BÁO XU HƯỚNG

RSI (tuần)	Tích cực
Bollinger Bands	Trung bình
MA(200)	Trung bình

Elliott ngày Tích cực

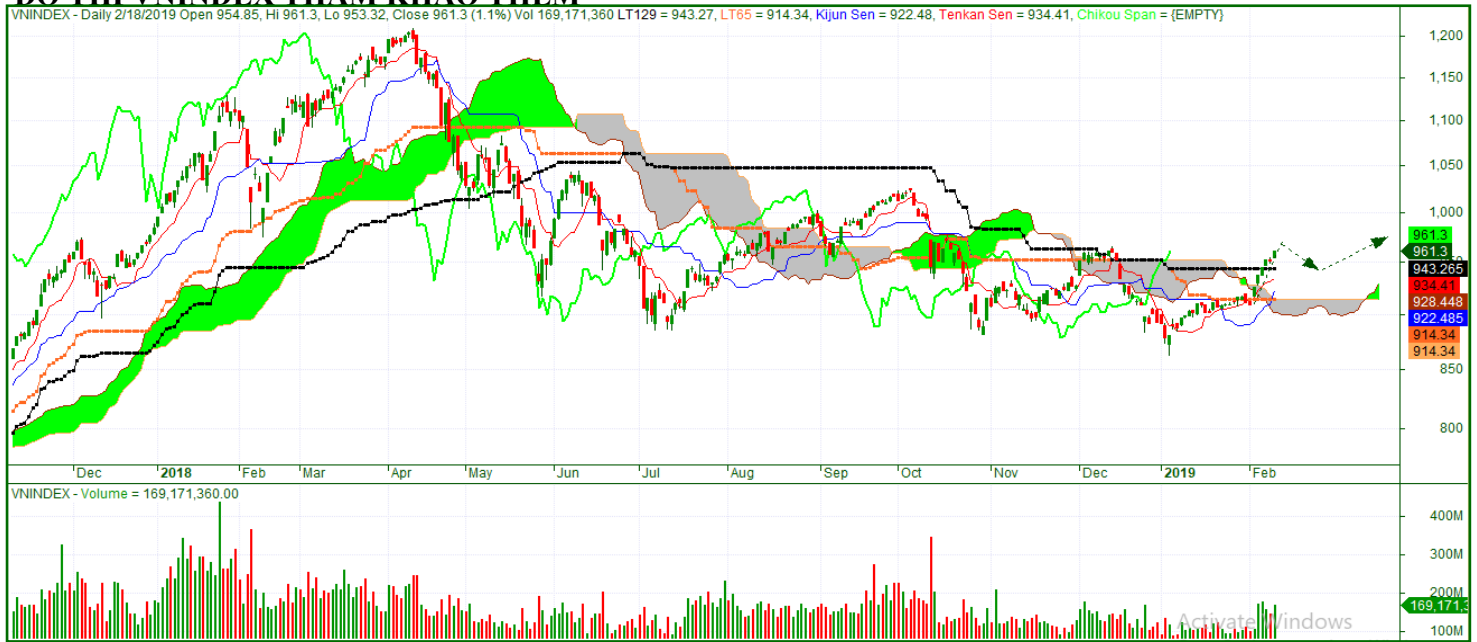
KHÁNG CỰ NGẮN HẠN

Kháng cự 1: 960 điểm Kháng cự 2: 1000 điểm

KHÁNG CỰ TRONG PHIÊN

Kháng cự 1000 điểm

ĐỒ THỊ VNINDEX THAM KHẢO THÊM



CHỈ SỐ DOW JONES



NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

Thông kê giao dịch trên HOSE

Top NN mua ròng	Volume	Giá trị (1000 VNĐ)
MSN	747,790	68,542,716
VCB	1,033,070	65,134,190
HPG	1,178,520	41,174,850
SSI	1,376,730	39,374,642
GEX	1,567,440	37,222,114

Top NN bán ròng	Volume	Giá trị (1000 VNĐ)
VRE	-1,557,480	-53,231,723
VJC	-300,020	-37,174,874
VHM	-320,040	-29,894,816
DHG	-259,830	-28,216,103
CII	-793,360	-18,347,257

Thông kê giao dịch trên HNX

Top NN mua ròng	Volume	Giá trị (1000 VNĐ)
PVS	1,844,142	38,064,853
VGC	17,400	359,954
TV2	1,930	254,662
SRA	8,200	157,294
DHT	3,500	134,232

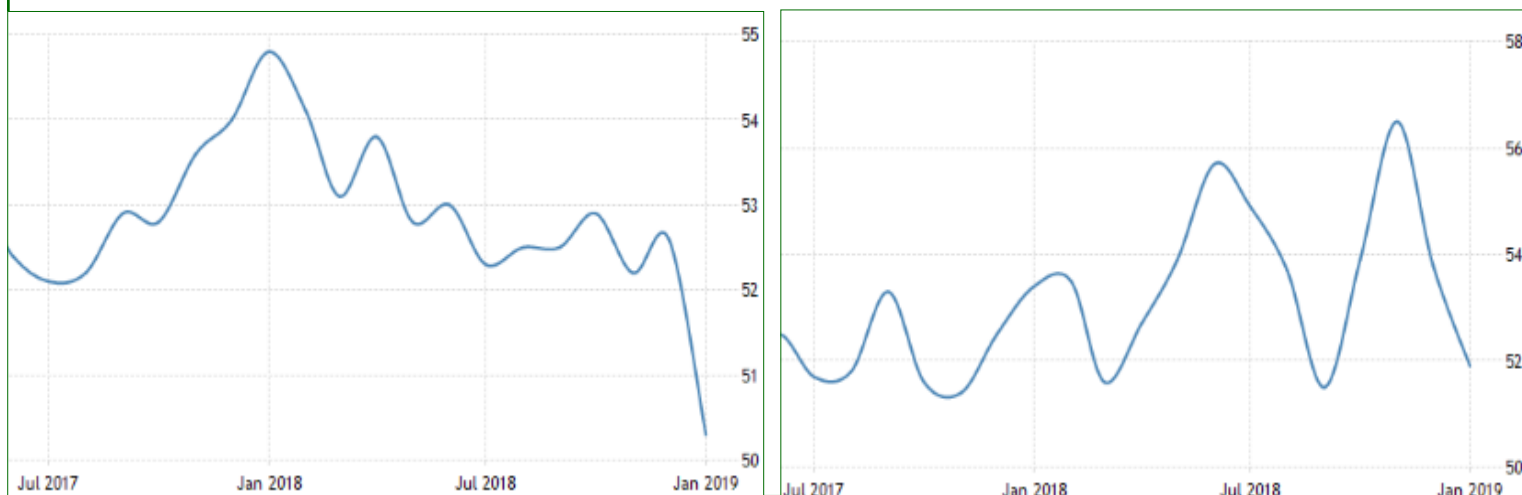
Top NN bán ròng	Volume	Giá trị (1000 VNĐ)
SHS	-264,000	-3,200,208
SHB	-327,917	-2,509,447
CEO	-137,000	-1,839,251
BVS	-47,000	-559,133
PGS	-8,000	-277,871

Danh sách cổ phiếu đang khuyến nghị - Chi tiết khuyến nghị tại [đây](#)

Thời gian	Hỗ trợ 2	Hỗ trợ 1	Mã cổ phiếu	Giá tham chiếu	Kháng cự 1	Kháng cự 2
13/2/2019	17,000	18,000	PVS	20,300	20,000	22,500
13/2/2019	80,000	85,000	GAS	99,300	99,000	115,000
13/2/2019	20,500	21,500	GEX	23,650	23,400	25,500
13/2/2019	16,700	17,500	LHG	19,750	20,200	21,500
13/2/2019	28,000	29,000	HPG	33,900	31,400	33,500
13/2/2019	15,000	16,200	PVB	17,100	17,200	19,500
13/2/2019	36,000	38,000	HVN	39,100	43,000	46,000
13/2/2019	40,000	42,000	FPT	45,200	47,000	50,000
13/2/2019	23,000	25,000	DQC	26,550	28,000	30,000
13/2/2019	22,000	23,000	PC1	23,050	25,600	28,000
13/2/2019	45,000	48,000	BMP	49,000	52,500	58,000
13/2/2019	25,000	28,000	DHC	33,800	34,500	37,500
13/2/2019	25,000	26,500	GMD	27,450	28,000	30,000

PMI Nhật Bản (trái) và PMI Việt Nam (phải)

Nếu PMI trên 50, tức là hoạt động sản xuất được mở rộng so với tháng trước. Ngược lại, khi chỉ số dưới mức 50, đó là biểu hiện của sự chững lại trong hoạt động sản xuất. Còn nếu PMI ở mức 50, hoạt động sản xuất không có gì thay đổi.



NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

Một số thông tin về tình hình thu hút vốn đầu tư nước ngoài (FDI & FII) và PMI (Purchasing Managers' Index - Chỉ số nhà quản trị mua hàng) của Việt Nam trong tháng 1/2019.

Từ đầu năm đến 20/1/2019, Tổng vốn FDI đăng ký cấp mới và tăng thêm đạt 1,145 triệu USD (+27.3% so với cùng kỳ), giải ngân đạt 1,550 triệu USD (+9.2% so với cùng kỳ). Trong đó, 226 dự án đăng ký cấp mới với số vốn đăng ký đạt 805 triệu USD và 72 dự án đăng ký điều chỉnh tăng vốn với số vốn tăng thêm đạt 340 triệu USD. Ngoài ra, vốn FII dưới hình thức góp vốn, mua cổ phần vào các công ty tại Việt Nam đạt tổng giá trị góp vốn là gần **762 triệu USD** (+114% so với cùng kỳ).

Cơ cấu thu hút vốn FDI:

- Những quốc gia đầu tư vốn FDI vào Việt Nam nhiều nhất trong tháng 1 là Nhật Bản 353.2 triệu USD, Trung Quốc 233.4 triệu USD và Hàn Quốc là 144 triệu USD.
- Những ngành thu hút vốn FDI nhiều nhất là: Chế biến chế tạo đạt 915.7 triệu USD (chiếm 79.95% tổng vốn FDI đăng ký), cung cấp nước đạt 72.2 triệu USD (chiếm 6.3%) và Vận tải kho bãi đạt mức 65.4 triệu USD (chiếm 5.71%).
- Những địa phương thu hút vốn FDI lớn gồm Tp.Hồ Chí Minh 172 triệu USD (chiếm 15%), Bình Dương 150.6 triệu USD (chiếm 13.1%) và Hải Dương 124.9 triệu USD (chiếm 10.9%).

Tình hình XNK khu vực đầu tư nước ngoài trong Tháng 1/2019: Xuất khẩu (kể cả dầu thô) đạt 13.6 tỷ USD (giảm 5.1% so với cùng kỳ), nhập khẩu 11.8 tỷ USD (giảm 1.3%), qua đó xuất siêu 1.8 tỷ USD. Tuy nhiên, nếu tính chung cả nền kinh tế, trong tháng 1 Việt Nam xuất siêu đạt 0.8 tỷ USD, trong đó nhập khẩu 20.8 tỷ USD (tăng 3.1%) và xuất khẩu 20 tỷ USD (giảm 1.3%).

PMI Tăng trưởng ở mức vừa phải đầu năm:

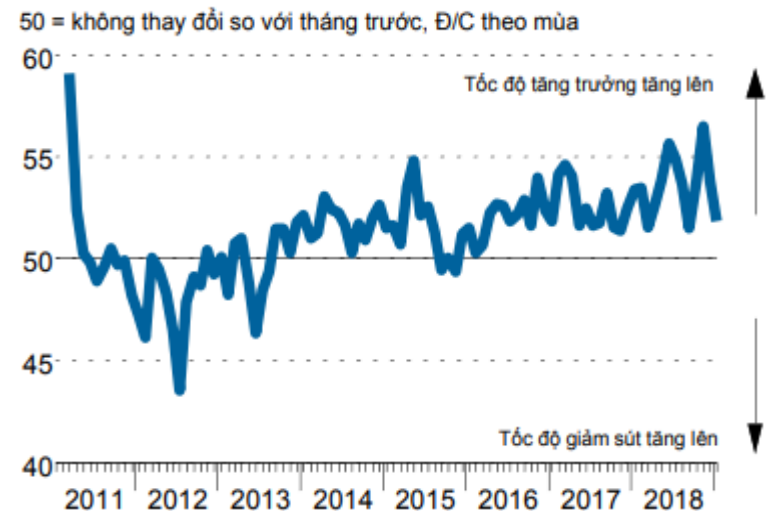
Theo Nikkei, chỉ số Nhà quản trị Mua hàng (Purchasing Managers' Index - PMI) lĩnh vực sản xuất Việt Nam đạt 51.9 điểm, tăng trưởng ở mức vừa phải trong tháng 1/2019. Cụ thể,

- Tốc độ tăng sản lượng, số lượng đơn đặt hàng mới và việc làm tiếp tục chậm lại so với mức cao trong tháng 11/2018.
- Chi phí đầu vào tăng nhẹ, trong khi giá cả đầu ra đã giảm lần thứ tư liên tiếp trong năm tháng qua.
- Sản lượng và số lượng đơn đặt hàng mới đều tăng nhẹ trong tháng 1. Tăng trưởng vẫn còn mạnh khi các báo cáo cho thấy nhu cầu khách hàng cải thiện. Sản lượng tăng trong suốt 14 tháng qua, cùng với mức tăng số lượng đơn đặt hàng mới, số lượng đơn hàng xuất khẩu mới tiếp tục tăng nhu với tốc độ yếu hơn tháng 12.

- Áp lực lạm phát tiếp tục mờ nhạt, giá cả đầu vào chỉ tăng nhẹ trong khi các công ty tiếp tục giảm giá cả đầu ra. Giá bán hàng đã giảm suốt bốn trong năm tháng qua.
- Các nhà sản xuất tiếp tục tuyển thêm nhân viên trước tình trạng số lượng đơn đặt hàng mới. Năng lực bổ sung này đã giúp các công ty giải quyết số lượng công việc chưa thực hiện khi tốc độ tăng số lượng đơn hàng mới đã chậm lại, từ đó lượng công việc tồn đọng đã giảm lần đầu tiên trong 3 tháng qua.
- Hàng tồn kho tiếp tục tăng trong tháng 1, tồn kho trước và sau sản xuất đều tăng.
- Thời gian mà các nhà cung cấp dùng để chuyển hàng đã kéo dài thêm lần thứ hai liên tiếp khi nhu cầu hàng hóa đầu vào tiếp tục tăng. Tuy nhiên, thời gian giao hàng chỉ tăng nhẹ, như đã xảy ra trong tháng 12.

Tổng kết: Chỉ số PMI toàn phần lĩnh vực sản xuất Việt Nam của Nikkei đã đạt **51,9** điểm trong tháng 1, giảm từ mức 53,8 của tháng 12 xuống mức thấp nhất kể từ tháng 9 năm ngoái, nhưng đến nay tăng trưởng đã được ghi nhận trong 38 tháng liên tiếp. Các điều kiện, môi trường kinh doanh tiếp tục cải thiện cùng mức độ lạc quan hứa hẹn sẽ tiếp tục đem lại tích cực. Song, những bất ổn về tình hình thương mại toàn cầu có thể sẽ tác động đến tình hình sản xuất của các doanh nghiệp.

PMI Ngành Sản xuất Việt Nam của Nikkei



Nguồn: Nikkei, IHS Markit

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

Bất động sản khu công nghiệp - Gặp nhiều thuận lợi.

Nguồn cung dồi dào, nhu cầu lớn:

Đối với các KCN phía Bắc, phân khúc chiếm tỷ trọng lớn là cho thuê với khách hàng là doanh nghiệp FDI lớn như Samsung, LG. Theo JLL, giá cho thuê đất KCN tính đến cuối năm 2018 là khoảng 82USD/m²/thời hạn thuê dưới 50 năm. Dự báo triển vọng các KCN phía Bắc tiếp tục được hưởng lợi khi: (i) Chi phí thuê công nhân vẫn rẻ hơn so với các nước như Trung Quốc, mặt khác Việt Nam sở hữu vị trí địa lý thích hợp khi nằm trong khu vực giao thương với các nền kinh tế lớn, (ii) Chiến tranh thương mại diễn biến ngày càng phức tạp, thúc đẩy các doanh nghiệp chọn Việt Nam như một điểm đến cho việc xây dựng nhà máy, (iii) Nhu cầu mở rộng sản xuất của các tập đoàn lớn Samsung, LG; đặc biệt với sự xuất hiện của Vinfast. Tại khu vực phía Bắc, diện tích đất thương phẩm chưa cho thuê của KBC là 843 ha đất, VGC là 911 ha đất (VGC có các khu công nghiệp dần trải hơn, sẽ gặp khó khăn hơn).

Đối với khu vực miền Nam, các doanh nghiệp thuê đất chủ yếu là các doanh nghiệp vừa và nhỏ, sản xuất công nghiệp, hóa chất. Theo JLL, nguồn cung KCN tại phía Nam cuối 2018 đón nhận thêm các thị trường BR-VT và Bình Phước, đạt tổng diện tích tại đây là 39 ha, tăng 5.4% so với nửa đầu 2018. Bình Dương và Đồng Nai vẫn là nguồn cung chính khi chiếm 56% tổng nguồn cung. Vào cuối Q4/2018, tỷ lệ lấp đầy trung bình đạt 72%, giảm do nguồn cung mới. Tuy nhiên, tỷ lệ lấp đầy chung vẫn ghi nhận mức tăng 200-600 điểm phần trăm so với nửa đầu năm 2018 cho mỗi tỉnh. Chúng tôi cho rằng, nhu cầu tiếp tục gia tăng một cách mạnh mẽ khi (i) Các doanh nghiệp Trung Quốc, Đài Loan tiếp tục dịch chuyển sản xuất vào Việt Nam, theo JLL các nhà máy xây sẵn đạt tỷ lệ lấp đầy 88%, (ii) Chiến tranh thương mại Mỹ - Trung tiếp tục tác động khi các doanh nghiệp Trung Quốc dịch chuyển sản xuất vào VN, từ đó gia tăng mạnh mẽ nhu cầu các nhà máy xây sẵn với các tiêu chuẩn kỹ thuật cao, (iii) Theo JLL, khoảng 9793 ha đất dự kiến sẽ gia nhập thị trường trong 3 năm tới, miền Nam hứa hẹn sẽ là điểm đến cho các nhà đầu tư khu công nghiệp. Một số doanh nghiệp gồm: LHG có KCN Long Hậu 3 vị trí thuận lợi có khả năng cho thuê với 90 ha, NTC với KCN Nam Tân Uyên 3 bắt đầu thi công hạ tầng vào cuối Q2/2019 với diện tích cho thuê 255 ha.

Nguồn cung	TP.HCM	Đồng Nai	Bình Dương	BR-VT	Tây Ninh	Bình Phước
Tổng diện tích (ha)	4,206	9,813	10,774	7,953	2,992	3,298
Diện tích đất cho thuê (ha)	2,802	6,835	7,144	4,908	2,158	2,272
Tỷ lệ lấp đầy (%)	79%	87%	94%	62%	73%	36%

Nguồn: Jones Lang LaSalle Vietnam (JLL), DAS tổng hợp.

Giá thuê tăng:

- Giá cho thuê đất **tăng mạnh**, ở mức trung bình 80USD/m²/chu kỳ thuê, tăng 10.7% so với Q2/2018.
- Giá thuê nhà xưởng xây sẵn **tăng nhẹ**, giá thuê trung bình ở mức 2-5 USD/m²/tháng tính đến Q4/2018.
- Giá thuê đất ở Tp.HCM trung bình 156.8 USD/m²/chu kỳ thuê, trong khi các tỉnh khác 4 - 6 USD/m²/chu kỳ thuê.

Dự báo nhu cầu thuê đất/nhà xưởng tiếp tục tăng khi làn sóng dịch chuyển sản xuất từ Trung Quốc, Đài Loan sẽ thúc đẩy giá thuê tiếp tục tăng trong thời gian tới. Số lượng nhà kho/nhà xưởng cũng sẽ tăng mạnh mẽ hơn với các tiêu chuẩn kỹ thuật mới nhằm đáp ứng nhu cầu tăng cao của các doanh nghiệp.

Hiệu suất tài sản	TP.HCM	Đồng Nai	Bình Dương	BR-VT	Tây Ninh	Bình Phước
Giá thuê đất trung bình (USD/m ² /chu kỳ thuê)*	156.8	85.5	73.6	60.8	53.6	51.6
Giá thuê nhà xưởng trung bình (USD/m ² /tháng)	3.6	4.5	3.8	3.5	2.7	2.2

Nguồn: Jones Lang LaSalle Vietnam (JLL), DAS tổng hợp.

*Phí sử dụng hạ tầng và phí dịch vụ (không gồm thuế VAT) chưa bao gồm trong giá thuê trung bình.

Rủi ro:

- Dòng vốn FDI có thể chững lại trước những bất ổn, cũng như nhu cầu chậm lại của thế giới.
- Những thay đổi các chính sách, khó khăn trong triển khai xây dựng như chi phí đền bù tăng cao hay giải phóng mặt bằng khó khăn sẽ dẫn đến trì hoãn việc cho thuê.

CHUYÊN MỤC CHIA SẺ KIẾN THỨC CHUYÊN MÔN

Monthly Return of VNINDEX														
Year	T12	T11	T10	T9	T8	T7	T6	T5	T4	T3	T2	T1	Return year	
2000	22.6%	19.8%	16.7%	4.8%	13.4%								77.3%	
2001	-18.4%	10.8%	6.5%	-11.9%	-34.3%	-15.6%	23.8%	25.9%	19.2%	6.7%	2.7%	18.8%	34.3%	
2002	3.1%	0.1%	-2.5%	-5.0%	-3.0%	-2.2%	-2.4%	-0.7%	4.2%	4.7%	-7.9%	-11.8%	-23.4%	
2003	1.9%	20.3%	-2.2%	-2.4%	-2.5%	-3.9%	0.0%	-0.2%	4.9%	-11.7%	-4.5%	-6.0%	-6.2%	
2004	4.2%	-1.3%	-0.3%	0.3%	-2.5%	-4.5%	-0.9%	-4.7%	-4.7%	6.5%	21.6%	28.4%	42.1%	
2005	-1.2%	1.3%	6.2%	13.7%	3.7%	-0.5%	1.1%	-0.8%	-0.1%	4.9%	0.8%	-2.5%	26.4%	
2006	18.8%	23.8%	-2.9%	7.2%	16.3%	-18.1%	-4.3%	-9.5%	18.3%	28.9%	25.1%	1.6%	105.0%	
2007	-4.7%	-8.7%	1.7%	15.2%	0.0%	-11.4%	-5.3%	17.1%	-13.8%	-5.8%	9.3%	38.5%	32.3%	
2008	0.3%	-9.3%	-24.0%	-15.3%	19.4%	13.0%	-3.5%	-20.7%	1.1%	-22.1%	-21.4%	-8.9%	-91.5%	
2009	-1.9%	-14.1%	1.1%	6.2%	17.1%	4.1%	8.9%	28.0%	14.6%	14.2%	-19.0%	-3.9%	55.4%	
2010	7.3%	-0.2%	-0.4%	-0.1%	-7.9%	-2.6%	-0.1%	-6.4%	8.6%	0.5%	3.1%	-2.6%	-0.8%	
2011	-7.7%	-9.5%	-1.6%	0.7%	4.7%	-6.2%	2.7%	-12.2%	4.1%	-0.1%	-9.6%	5.4%	-29.4%	
2012	9.5%	-2.7%	-1.1%	-0.9%	-4.5%	-1.9%	-1.6%	-9.4%	7.4%	4.1%	9.2%	10.4%	18.6%	
2013	-0.6%	2.1%	1.0%	4.2%	-3.9%	2.2%	-7.2%	9.2%	-3.4%	3.5%	-1.1%	16.0%	22.0%	
2014	-3.7%	-5.7%	0.3%	-5.9%	6.8%	3.1%	2.9%	-2.8%	-2.3%	0.9%	5.4%	10.3%	9.2%	
2015	1.0%	-5.6%	8.0%	-0.4%	-9.1%	4.7%	4.1%	1.3%	2.0%	-7.0%	2.9%	5.6%	7.5%	
2016	0.0%	-1.6%	-1.4%	1.6%	3.4%	3.2%	2.2%	3.4%	6.6%	0.3%	2.6%	-5.8%	14.5%	
2017	3.6%	13.5%	4.1%	2.8%	-0.1%	0.9%	5.2%	2.8%	-0.6%	1.6%	1.9%	4.9%	40.6%	
2018	-3.7%	1.3%	-10.1%	2.8%	3.5%	-0.5%	-1.1%	-7.5%	-10.6%	4.7%	1.0%	12.8%	-7.3%	
2019	-1.0%												-1.0%	
Average monthly	1.5%	1.8%	0.0%	0.9%	1.1%	-2.0%	1.4%	0.7%	3.1%	1.9%	1.2%	6.2%	17.7%	

Mức tăng trung bình trong tháng 1 hàng năm kể từ năm 2012-2018 đạt 6.2%

Volume Volatility												
Year	T1	T2	T3	T4	T5	T6	T7	T8	T9	T10	T11	T12
2000								492.6%	24.5%	-3.7%	30.3%	3.9%
2001	21.0%	40.7%	8.3%	1.0%	-37.0%	110.7%	-12.7%	0.4%	7.6%	8.8%	-44.3%	2.1%
2002	41.5%	21.9%	9.2%	-7.7%	32.8%	-54.0%	56.4%	-22.3%	-12.2%	-6.3%	-9.8%	8.1%
2003	-37.1%	35.6%	-2.0%	49.3%	-5.7%	-12.4%	3.6%	40.9%	-10.4%	110.4%	-19.4%	111.5%
2004	-20.6%	148.7%	1.2%	-14.9%	8.3%	-23.4%	-24.1%	80.7%	6.9%	-17.9%	35.8%	-24.0%
2005	-9.5%	-32.2%	113.4%	-35.0%	-28.5%	71.0%	6.6%	-8.3%	129.2%	19.7%	-29.8%	-25.1%
2006	-6.9%	32.3%	14.1%	33.6%	76.3%	-36.4%	-1.3%	58.6%	10.4%	-4.3%	33.2%	27.4%
2007	25.9%	5.7%	13.8%	-42.9%	20.0%	0.1%	-21.4%	-1.4%	64.3%	39.6%	-18.5%	-31.5%
2008	22.9%	31.9%	6.8%	-38.7%	-61.3%	160.4%	76.0%	41.0%	-1.1%	-27.9%	-5.2%	-27.3%
2009	-27.2%	8.7%	119.0%	102.4%	38.9%	4.7%	-37.5%	65.2%	27.5%	15.0%	-36.0%	-20.7%
2010	3.6%	-42.2%	97.1%	16.0%	6.3%	-24.2%	-10.6%	-7.3%	12.9%	-34.2%	3.7%	120.7%
2011	-49.0%	5.6%	-11.8%	-34.6%	13.8%	32.1%	-46.8%	49.6%	88.9%	-44.5%	-7.7%	15.2%
2012	-23.3%	128.2%	76.6%	1.4%	-0.7%	-40.6%	-24.4%	1.6%	-13.6%	-7.2%	-19.9%	82.9%
2013	80.2%	-7.9%	-36.6%	-0.8%	24.4%	11.0%	-41.7%	11.2%	4.1%	53.1%	38.5%	-5.6%
2014	-0.4%	73.8%	11.7%	-40.3%	0.8%	-18.7%	21.4%	14.7%	38.1%	-16.3%	-2.5%	-19.0%
2015	-2.8%	-24.3%	24.6%	-16.0%	25.1%	35.1%	-3.9%	-10.7%	-28.2%	29.6%	16.5%	-25.4%
2016	30.5%	-10.5%	24.9%	-10.7%	-13.4%	13.6%	5.9%	-14.4%	-0.9%	5.8%	-5.9%	-2.6%
2017	-14.5%	86.3%	9.6%	-9.0%	28.6%	-13.7%	7.2%	-0.3%	-26.1%	2.4%	23.8%	0.0%
2018	53.9%	-27.1%	0.9%	-9.2%	-29.1%	2.9%	11.6%	5.7%	11.1%	-6.1%	-25.1%	9.6%
2019	-21.1%											

Nhìn chung tháng 12 và tháng 1 hàng năm khối lượng giao dịch thường giảm hoặc ít biến động.

TỔ CHỨC THỰC HIỆN BÁO CÁO

Công ty Chứng khoán Ngân hàng Đông Á (gọi tắt là DAS) là thành viên của Tập đoàn tài chính Ngân hàng Đông Á, hiện là một trong các định chế tài chính lớn nhất Việt Nam. DAS cũng là một thành viên chính thức của thị trường chứng khoán Việt Nam, và đang đi đầu trong một số dịch vụ tài chính có công nghệ cao. DAS hiện là cổ đông lớn của nhiều công ty, và là chủ sở hữu của Công ty quản lý Quỹ đầu tư Đông Á. Công ty hiện có đầy đủ các nghiệp vụ chứng khoán gồm: Môi giới, Tự doanh, Bảo lãnh phát hành, Tư vấn tài chính và Tư vấn đầu tư, Lưu ký chứng khoán.

Hệ thống chi nhánh

- **Trụ sở chính:**

Địa chỉ: Tầng 2 & 3 Tòa nhà 468 Nguyễn Thị Minh Khai, P.2, Q.3, TP. HCM

Điện thoại: (8428) 3833 6333

Fax: (028) 3833 3891

- **Chi nhánh Sài Gòn:**

Địa chỉ: 60–70 Nguyễn Công Trứ, P. Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. HCM

Điện thoại: (028) 3821 8666

Fax: (028) 3821.4891

- **Chi nhánh Hà Nội:**

Địa chỉ: 181 Nguyễn Lương Bằng, Q. Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: (024) 3944 5175

Fax: (024) 3944 5178 - 3944 5176

KHUYẾN CÁO

Báo cáo này chỉ nhằm cung cấp thông tin cho các tổ chức đầu tư cũng như nhà đầu tư cá nhân và không hàm ý đưa ra lời khuyên chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào. Các quan điểm và nhận định trình bày trong báo cáo không tính đến sự khác biệt về mục tiêu và chiến lược cụ thể của từng nhà đầu tư. Nhà đầu tư nên xem báo cáo này như một nguồn tham khảo và phải chịu toàn bộ trách nhiệm đối với quyết định đầu tư của mình. Công ty Chứng khoán Ngân hàng Đông Á (DAS) tuyệt đối không chịu trách nhiệm bất kỳ thiệt hại nào liên quan đến việc sử dụng toàn bộ hoặc từng phần thông tin của báo cáo này.

Các quan điểm, nhận định, đánh giá trong báo cáo là quan điểm cá nhân của cá nhân người viết mà không đại diện cho quan điểm của DAS và có thể thay đổi mà không cần báo trước.

Thông tin sử dụng trong báo cáo này được DAS thu thập từ nguồn đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Tuy nhiên, DAS không đảm bảo độ chính xác thông tin này.

Báo cáo này là tài sản và được giữ bản quyền bởi DAS. Không được phép sao chép, phát hành cũng như tái phân phối báo cáo vì bất kỳ mục đích gì nếu không có văn bản chấp thuận của DAS. Vui lòng ghi rõ nguồn khi trích dẫn nếu sử dụng các thông tin trong báo cáo này.